

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/DS-ST
Ngày 06-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Vũ;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lan;

2. Ông Nguyễn Như Quang;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 379/2021/QĐST-DS ngày 16/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, Quận B, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Tấn Đ. Chức vụ: Phó giám đốc A Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai. Địa chỉ: Số 290, đường H, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai (Theo Văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNN-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Rơ Mah B.

Cùng địa chỉ: Làng D, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Điều vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Viết C và bà Lê Thị S.

Cùng địa chỉ: Làng O, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Cao Tấn Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 2141/2018/HĐTD ngày 23/7/2018 được ký kết giữa Ngân hàng N (Gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Văn Đ, bà Rơ Mah B, Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Rơ Mah B vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay vốn để chăm sóc vườn cà phê, làm tường rào sân và mua sắm vật dụng sinh hoạt. Thời hạn vay 24 tháng. Lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thỏa thuận trả gốc 02 kỳ: Kỳ 01 vào ngày 23/7/2019 với số tiền 150.000.000 đồng; kỳ 02 trả vào ngày 23/7/2020 với số tiền 250.000.000 đồng. Thỏa thuận trả lãi 03 tháng/lần, ngày thứ 23 của tháng thứ 3 (Có thỏa thuận trả lãi hàng tháng). Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 23/7/2018.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khoản vay, bà Rơ Mah B đã thế chấp cho Ngân hàng N tài sản thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 830718/HĐTC ngày 20/7/2018. Việc thế chấp tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện Ia Grai vào ngày 23/7/2018. Tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng, bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 76 tại: Làng O, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CH 994590 ngày 13/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Rơ Mah B.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn Đ và bà Rơ Mah B đã trả được cho Ngân hàng số tiền lãi 35.802.740 đồng và không tiếp tục trả lãi theo định kỳ; trả nợ gốc khi đến hạn.

Vì ông Nguyễn Văn Đ, bà Rơ Mah B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Rơ Mah B phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, gồm: Nợ lãi trong hạn là 35.893.151 đồng; nợ lãi quá hạn là 98.954.795 đồng. Yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi chậm trả sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong nợ gốc. Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ, bà Rơ Mah B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Ý kiến trình bày của bị đơn: Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đồng thời không có Văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lương Viết C có lời khai trình bày như sau:

Vào ngày 30/4/2016, ông C cùng vợ là bà Lê Thị S và ông Đ, bà B có viết “Giấy khoán điều”. Theo thỏa thuận, vợ chồng ông C nhận thuê vườn điều là tài sản trên đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 994590 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 13/6/2017 cho bà Rơ Mah B để chăm sóc, thu hái điều trong thời gian từ năm 2017 đến hết năm 2022. Giá thuê vườn điều tổng cộng là 82 triệu đồng, vợ chồng ông C đã trả xong tiền thuê. Việc giao kết hợp đồng thuê vườn điều có người làm chứng. Như vậy, theo thời hạn thuê vườn điều thì vợ chồng ông C được quyền chăm sóc, thu điều đến hết năm 2022.

Tuy nhiên, hiện tại bà B đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng N. Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà B trả nợ, nếu không trả được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông Đ, bà B để thu hồi nợ nên việc xử lý tài sản bảo đảm có ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông C. Tuy nhiên, theo thời hạn thuê của hợp đồng chỉ còn lại 01 năm nên ông C không có yêu cầu gì trong vụ án về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn Đ, bà Rơ Mah B, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Trường hợp giữa vợ chồng ông C và ông Đ, bà B có tranh chấp về hợp đồng thuê vườn điều thì các bên sẽ tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện vụ án khác để yêu cầu Tòa án giải quyết, ông C không yêu cầu giải quyết trong vụ án này và đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt vợ chồng ông.

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do nên bị đơn chưa tuân thủ các quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện: Khi cấp tín dụng, giữa bên cho vay (Bên A) là Ngân hàng N với bên vay (bên B) là ông Nguyễn Văn Đ, bà Rơ Mah B có thỏa thuận tại điểm d, mục 1, Điều 10 của Hợp đồng tín dụng như sau: “*Bên A có quyền: Khi đến hạn mà bên B không trả được nợ, bên A có quyền yêu cầu một trong các thành viên khác trong gia đình có liên quan trả nợ gốc và lãi/khởi kiện theo quy định của pháp luật*”. Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là Ngân hàng N đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Nguyễn Văn Đ, bà Rơ Mah B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Cụ thể, không trả nợ lãi và nợ gốc khi đến hạn. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về thực hiện hợp đồng tín dụng là phù hợp với nội dung thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ, bà Rơ Mah B nên quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi giao kết hợp đồng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Làng D, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Văn Đ, bà Rơ Mah B vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2141/2018/HĐTD ngày 23/7/2018; tài liệu theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ của Ngân hàng thể hiện, bên vay là ông Nguyễn Văn Đ, bà Rơ Mah B phải có nghĩa vụ trả nợ đúng thỏa thuận đã cam kết. Cụ thể: trả lãi vay lãi 03 tháng/lần, ngày thứ 23 của tháng thứ 3

và trả nợ gốc 02 kỳ, kỳ 01 vào ngày 23/7/2019 với số tiền 150.000.000 đồng; kỳ 02 trả vào ngày 23/7/2020 với số tiền 250.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Đ và bà Rơ Mah B chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền lãi 35.802.740 đồng, không tiếp tục trả lãi của các kỳ tiếp theo và không trả được nợ gốc khi đến hạn. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định, ông Nguyễn Văn Đ và bà Rơ Mah B đã vi phạm thời hạn trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Mặc dù Ngân hàng đã có Thông báo nợ đến hạn và chuyển nợ quá hạn để yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng ông Nguyễn Văn Đ và bà Rơ Mah B không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng trong hoạt động cấp tín dụng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Rơ Mah B phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi, cụ thể như sau: Nợ gốc là 400.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 35.893.151 đồng; nợ lãi quá hạn là 98.954.795 đồng.

[5] Tổng cộng, ông Nguyễn Văn Đ và bà Rơ Mah B phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 534.847.946 đồng.

[6] Về yêu cầu tính lãi chậm trả sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ gốc: Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Rơ Mah B phải tiếp tục trả lãi chậm trả kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong nợ gốc là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp:

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 830718/HĐTC ngày 20/7/2018, bà Rơ Mah B đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản thế chấp:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 76 tại: Làng O, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CH 994590 ngày 13/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Rơ Mah B.

Xét hiệu lực của hợp thể chấp: Khi giao kết hợp đồng, các bên đều đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao dịch; ý chí đều tự nguyện, không bị ép buộc; mục đích và nội dung của hợp đồng thể chấp nhằm đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nên không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hợp đồng được chứng thực và đăng ký thể chấp tại Cơ quan có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực. Kết quả xem xét, thẩm định xác định, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã thể chấp thuộc quyền sở hữu của bên thể chấp, không phát sinh tranh chấp về quyền sở hữu với người khác. Mặc dù sau thời điểm thể chấp cho Ngân hàng, bà Rơ Mah B và ông Nguyễn Văn Đ có ký hợp đồng cho ông Lương Viết C và bà Lê Thị S thuê khoán vườn điều để chăm sóc, thu hái với thời hạn đến năm 2022. Tuy nhiên, việc cho thuê là tự phát giữa các bên, không có sự đồng ý của bên nhận thể chấp tài sản là Ngân hàng; mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ông C, bà Soan không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về việc thuê vườn điều với ông Đ, bà B trong vụ án này, nếu việc thuê vườn điều có phát sinh tranh chấp thì giữa ông C, bà Soan với ông Đ, bà B sẽ tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì ông C, bà Soan sẽ khởi kiện vụ án khác. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc trong trường hợp ông Nguyễn Văn Đ, bà Rơ Mah B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của bà Rơ Mah B để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 319, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 4.000.000 đồng.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.393.918 đồng.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 275, 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 351, 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố

theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng N.

1. Về số tiền nợ: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Rơ Mah B phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*); tiền lãi trong hạn là 35.893.151 đồng (*Ba mươi lăm triệu tám trăm chín mươi ba ngàn một trăm năm mươi một đồng*); tiền lãi quá hạn là 98.954.795 đồng (*Chín mươi tám triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm chín mươi lăm đồng*). Tổng cộng, ông Nguyễn Văn Đ và bà Rơ Mah B phải trả cho Ngân hàng N số tiền 534.847.946 đồng (*Năm trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ, bà Rơ Mah B không trả được các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, các tài sản được quyền yêu cầu xử lý, gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 76 tại: Làng O, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CH 994590 ngày 13/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Rơ Mah B.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Rơ Mah B phải trả lại cho Ngân hàng N số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Rơ Mah B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.393.918 đồng (*Hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi ba ngàn chín trăm mười tám đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.569.836 đồng (*Mười một triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng*). Theo

Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0011821, ngày 08/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/9/2021). Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Vũ